

Phụ lục II
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN
NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP HUYỆN TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 25/10/2023

của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG
QUY TRÌNH NỘI BỘ THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA (11 TTHC¹)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (09 TTHC²)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt	
2	Đăng ký khai thác nước dưới đất	
3	Trả lại giấy phép tài nguyên nước (<i>trường hợp giấy phép thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp</i>)	
4	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	
5	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	
6	Cấp lại Giấy phép tài nguyên nước (<i>trường hợp giấy phép thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp</i>)	
7	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	
8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	
9	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (02 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất	
2	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giờ trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m ³ /ngày đêm trở lên.	

¹ Có 02 TTHC (số thứ tự 03,06 mục A) thực hiện theo cơ chế một cửa và cơ chế một cửa liên thông

² Có 02 TTHC (số thứ tự 03,06) thực hiện theo cơ chế một cửa và cơ chế một cửa liên thông

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA

CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Công chức Một cửa: CCMC
- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công nghệ thông tin: CNTT
- Tài nguyên và Môi trường: TN&MT
- Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản: QLTTN&KS

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (09 TTHC)

1. Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt

Thời hạn giải quyết TTHC: 10 ngày làm việc.

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Phòng QLTTN&KS	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTTN&KS	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo (trả lại hồ sơ) cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu; giải quyết hồ sơ theo quy định.	Chuyên viên Phòng QLTTN&KS	5,5 ngày
B4	Xem xét văn bản trình của chuyên viên và trình Lãnh đạo Sở TNMT	Lãnh đạo Phòng QLTTN&KS	01 ngày
B5	Xem xét, quyết định ký duyệt, chuyển kết quả qua Văn thư Sở TNMT	Lãnh đạo Sở TN&MT	02 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCMC	Văn thư Sở	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê, theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			10 ngày làm việc

2. Đăng ký khai thác nước dưới đất

Thời hạn giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Phòng QLTTNN&KS	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTTNN&KS	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo (trả lại hồ sơ) cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu; giải quyết hồ sơ theo quy định.	Chuyên viên Phòng QLTTNN&KS	10 ngày
B4	Xem xét văn bản trình của chuyên viên và trình Lãnh đạo Sở TNMT	Lãnh đạo Phòng QLTTNN&KS	1,5 ngày
B5	Xem xét, quyết định ký duyệt, chuyển kết quả qua Văn thư Sở TNMT	Lãnh đạo Sở TN&MT	02 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCMC	Văn thư Sở	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê, theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			15 ngày làm việc

3. Trả lại giấy phép tài nguyên nước (trường hợp giấy phép thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc.

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy hẹn ngày làm việc trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Phòng QLTNN&KS	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo (trả lại hồ sơ) cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, giải quyết hồ sơ theo quy định.	Chuyên viên Phòng QLTNN&KS	05 ngày
B4	Xem xét Báo cáo thẩm định của chuyên viên trình (dự thảo Quyết định), trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	02 ngày
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản, chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở TN&MT	1,5 ngày
B6	Phát hành Quyết định; Chuyển hồ sơ đến TTPVHCC	Văn thư Sở	1/2 ngày
B7	- Thống kê và theo dõi - Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			10 ngày làm việc

4. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 31,5 ngày làm việc (*thời gian theo quy định: 36 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 4,5 ngày làm việc*).

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Phòng QLTNN&KS	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu (không đủ điều kiện cấp phép), thông báo (trả lại hồ sơ) cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức; tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện hành nghề khoan. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo (Tờ trình về kết quả thẩm định).	Chuyên viên Phòng QLTNN&KS	25,5 ngày
B4	Xem xét văn bản trình của chuyên viên và trình Lãnh đạo Sở TNMT	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	01 ngày
B5	Xem xét, quyết định ký duyệt, chuyển kết quả qua Văn thư Sở TNMT	Lãnh đạo Sở TNMT	03 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCMC	Văn thư Sở	01 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê, theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			31,5 ngày làm việc

5. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 24,5 ngày làm việc (*thời gian theo quy định: 31 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 6,5 ngày làm việc*).

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Phòng QLTTNN&KS	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTTNN&KS	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu (không đủ điều kiện cấp phép), thông báo trả lại hồ sơ cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức; tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện hành nghề khoan. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo (Tờ trình về kết quả thẩm định).	Chuyên viên Phòng QLTTNN&KS	18,5 ngày
B4	Xem xét văn bản trình của chuyên viên và trình Lãnh đạo Sở TNMT	Lãnh đạo Phòng QLTTNN&KS	01 ngày
B5	Xem xét, quyết định ký duyệt, chuyển kết quả qua Văn thư Sở TNMT	Lãnh đạo Sở TNMT	03 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCMC	Văn thư Sở	01 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê, theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			24,5 ngày làm việc

6. Cấp lại Giấy phép tài nguyên nước (trường hợp giấy phép thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 14 ngày làm việc.

(Thời gian theo quy định: 16 ngày làm việc; thời gian đã cắt giảm: 02 ngày làm việc)

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo (trả lại hồ sơ) cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức bổ sung hồ sơ. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Thẩm định hồ sơ, xây dựng văn bản trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định cấp lại giấy phép.	Chuyên viên Phòng QLTNN&KS	9,5 ngày
B4	Xem xét văn bản trình của chuyên viên và trình Lãnh đạo Sở TNMT	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	01 ngày
B5	Xem xét, quyết định ký duyệt, chuyển kết quả qua Văn thư Sở TNMT	Lãnh đạo Sở TNMT	02 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCMC	Văn thư Sở	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê, theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			14 ngày làm việc

7. Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc.

(Thời gian theo quy định: 21 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 06 ngày làm việc)

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Phòng QLTNN&KS.	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu (không đủ điều kiện cấp phép), thông báo (trả lại hồ sơ) cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức; tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện hành nghề khoan. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo (Tờ trình về kết quả thẩm định).	Chuyên viên Phòng QLTNN&KS	11,5 ngày
B4	Xem xét văn bản trình của chuyên viên và trình Lãnh đạo Sở TNMT	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	01 ngày
B5	Xem xét, quyết định ký duyệt, chuyển kết quả qua Văn thư Sở TNMT	Lãnh đạo Sở TNMT	02 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCMC	Văn thư Sở	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê, theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			15 ngày làm việc

8. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 12 ngày làm việc.

(Thời gian theo quy định: 16 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 04 ngày làm việc)

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Phòng QLTNN&KS.	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu (không đủ điều kiện cấp phép), thông báo (trả lại hồ sơ) cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức; tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện hành nghề khoan. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo (Tờ trình về kết quả thẩm định).	Chuyên viên Phòng QLTNN&KS	7,5 ngày
B4	Xem xét văn bản trình của chuyên viên và trình Lãnh đạo Sở TNMT	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	01 ngày
B5	Xem xét, quyết định ký duyệt, chuyển kết quả qua Văn thư Sở TNMT	Lãnh đạo Sở TNMT	02 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCMC	Văn thư Sở	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê, theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			12 ngày làm việc

9. Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 08 ngày làm việc.

(Thời gian theo quy định: 11 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 03 ngày làm việc)

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Phòng QLTNN&KS.	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu (không đủ điều kiện cấp phép), thông báo (trả lại hồ sơ) cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức; tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện hành nghề khoan. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo (Tờ trình về kết quả thẩm định).	Chuyên viên Phòng QLTNN&KS	3,5 ngày
B4	Xem xét văn bản trình của chuyên viên và trình Lãnh đạo Sở TNMT	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	01 ngày
B5	Xem xét, quyết định ký duyệt, chuyển kết quả qua Văn thư Sở TNMT	Lãnh đạo Sở TNMT	02 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCMC	Văn thư Sở	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê, theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			08 ngày làm việc

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (02 TTHC)

1. Đăng ký khai thác nước dưới đất

Thời hạn giải quyết TTHC: 05 ngày làm việc.

(Thời gian theo quy định: 10 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 05 ngày làm việc).

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày làm việc trả kết quả; Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Phòng TN&MT	CCMC cấp huyện	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TN&MT	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo (trả lại hồ sơ) cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu; giải quyết hồ sơ theo quy định.	Chuyên viên Phòng TN&MT	02 ngày
B4	Xem xét văn bản trình của chuyên viên và trình Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo Phòng TN&MT	01 ngày
B5	Xem xét, quyết định ký duyệt, chuyển kết quả qua Văn thư	Lãnh đạo UBND cấp huyện	01 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCMC	Văn thư UBND huyện	1/4 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê, theo dõi	CCMC cấp huyện	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			05 ngày làm việc

2. Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m³/giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m³/ngày đêm trở lên

2.1. Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh

Thời hạn giải quyết TTHC: 30 ngày làm việc.

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày làm việc trả kết quả; Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Phòng TN&MT	CCMC cấp huyện	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng TN&MT	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo (trả lại hồ sơ) cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu; giải quyết hồ sơ theo quy định.	Chuyên viên Phòng TN&MT	21 ngày
B4	Xem xét văn bản trình của chuyên viên và trình Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo Phòng TN&MT	2,5 ngày
B5	Xem xét, quyết định ký duyệt, chuyển kết quả qua Văn thư	Lãnh đạo UBND cấp huyện	05 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCMC	Văn thư UBND huyện	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê, theo dõi	CCMC cấp huyện	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			30 ngày làm việc

2.2. Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh

Thời hạn giải quyết TTHC: 40 ngày làm việc.

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày làm việc trả kết quả; Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Phòng TN&MT	CCMC cấp huyện	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TN&MT	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo (trả lại hồ sơ) cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu; giải quyết hồ sơ theo quy định.	Chuyên viên Phòng TN&MT	29 ngày
B4	Xem xét văn bản trình của chuyên viên và trình Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo Phòng TN&MT	4,5 ngày
B5	Xem xét, quyết định ký duyệt, chuyển kết quả qua Văn thư	Lãnh đạo UBND cấp huyện	05 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCMC	Văn thư UBND huyện	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thông kê, theo dõi	CCMC cấp huyện	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			40 ngày làm việc